TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH** ---------- Bản án số: 04 /2019/DS-ST. Ngày 14 - 3 - 2019 V/v: *"Tranh chấp di sản thừa kế, đòi lại tài sản"*.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tấn Minh
Bà Dương Thị Mỹ Liên
Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế, đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1988, địa chỉ: Số nhà 25A, đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
2- Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1953; địa chỉ: Số nhà 25A, đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3- Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:
3.1- Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 25B, Đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
3.2- Chị Phạm Kiều N, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
3.3- Chị Phạm Thanh Th2, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
3.4- Chị Phạm Thị Lệ Th1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 29, đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
3.5- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990, địa chỉ: Số nhà 25A, đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.6 - Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường 22/12, KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin vắng mặt).

3.7- Bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1935, địa chỉ: Số 38/7, Trần Khánh Chân, phường Tân Định, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Tại nhà trọ 9 Nhung, tại KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng anh Nguyễn Ngọc Kh (nguyên đơn) trình bày:

Anh là con ruột bà Phạm Thị D hiện sống chung nhà bà D, cha anh tên Nguyễn Ngọc L1, chết ngày 05/11/2011, cha mẹ anh có 03 người con gồm: Anh Nguyễn Ngọc T, (đã chết không vợ con); Nguyễn Ngọc Kh; Nguyễn Ngọc H. Ngoài ra mẹ anh còn có 04 người con riêng gồm chị Phạm Thị Bích L; chị Phạm Kiều N; chị Phạm Thanh Th2; chị Phạm Thị Lệ Th1. Bà nội tên Nguyễn Thị Ngh; ông nội không biết tên gì ở đâu. Cha mẹ anh có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSD) diện tích 179,9 m^2 tại thửa 32, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 01 căn nhà tường cấp 4b xây dựng trên đất diện tích ngang 3,15m dài 18,1m. Lúc còn sống cha mẹ anh có thế chấp nhà đất này vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Trảng Bàng số tiền 50.000.000 đồng để lo công việc trong gia đình. Do không trả được nợ đến năm 2017 vốn và lãi lên tới 209.494.000 đồng, mẹ anh mới bàn với các chị em trong gia đình là "*anh (Kh) bỏ số tiền 209.494.000 đồng ra trả cho Ngân hàng, lấy giấy tờ nhà đất về mẹ và các chị em anh làm giấy cho anh trọn quyền sở hữu căn nhà mẹ anh đang ở và đất gắn liền với căn nhà này"*. Sau khi anh trả nợ xong, tiến hành làm giấy chuyển quyền sang tên thì chị L, chị Th2 không đồng ý ký tên chuyển quyền nên mới xảy ra tranh chấp. Cha anh chết không để lại di chúc.

Nay anh yêu cầu mẹ anh phải chia di sản thừa kế nhà, đất của cha anh cho anh một phần theo pháp luật và trả cho anh số tiền 209.494.000 đồng mà anh đã trả nợ thay cho cha mẹ, anh không yêu cầu trả lãi suất.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị D (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 19/3/2018 bà D trình bày:

Trước giải phóng năm 1975 bà có chồng là ông Phạm Văn Dấm có 04 người con là Phạm Thị Bích L; Phạm Kiều N; Phạm Thanh Th2; Phạm Thị Lệ Th1. Khoảng năm 1980, bà và ông Dấm ly hôn. Năm 1984, bà chung sống với ông Nguyễn Ngọc L1 và có 03 người con là Nguyễn Ngọc T (đã chết); Nguyễn Ngọc Kh; Nguyễn Ngọc H. Khi bà sống chung với ông L1 thì các con riêng của bà theo sống cùng với bà và ông L1 và hoạt động kinh tế chung. Bà và ông L1 cất nhà tạm ở trên đất của cha bà là ông Phạm Văn X. Đến năm 2000, bà được cha cho luôn 01 phần đất (bà và ông L1 đang ở) diện tích 256,6 m^2 tại thửa 32 tờ bản đồ số 10 toạ lạc tại Khu phố L D, thị trấn Trảng Bàng do bà và ông L1 cùng đứng tên giấy

CNQSD đất vào năm 2006. Ngày 22/12/2010, bà chuyển nhượng 75,7m^2 cho bà Ánh, còn lại 179,9m^2 bà xây nhà ở và cho chị L, chị Th2 xây nhà ở tạm trên đất. Ngày 18/01/2011, ông L1 và bà có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Trảng Bàng số tiền 50.000.000 đồng để lo công việc trong gia đình, do không trả được nợ đã gia hạn nhiều lần đến năm 2017 vốn lãi lên tới 209.494.000 đồng. Ngày 05/11/2011, ông L1 chết đột ngột không có để lại di chúc. Bà mới bàn với các con trong gia đình kêu anh Kh đứng ra trả số tiền 209.494.000 đồng cho Ngân hàng, lấy giấy tờ nhà đất về, bà và các con làm giấy cho anh Kh trọn quyền sở hữu căn nhà bà đang ở và đất gắn liền với căn nhà này, tất cả đều đồng ý. Sau khi Kh trả nợ xong tiến hành làm giấy chuyển quyền sang tên thì L, Th2 không đồng ý ký tên chuyển quyền. Nay bà đồng ý chia di sản của bà và L1 theo pháp luật cho tất cả các con, còn số nợ của Kh thì nếu ai hưởng di sản thì phụ trả nợ với bà vì số nợ này là nợ chung vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị Bích L trình bày: Thừa nhận lời trình bày của em Kh về họ tên cha mẹ anh, chị em là đúng. Sau khi cha mẹ chị ly hôn nhau thì mẹ tái hôn với ông L1, chị em chị còn nhỏ nên sống chung nhà với ông L1 hoạt động kinh tế chung. Năm 1990, khi chị có gia đình ông ngoại chị là Phạm Văn X cho chị phần đất cất nhà thiết ở riêng với mẹ chị, việc cho đất không giấy tờ, cho diện tích bao nhiêu không biết, nhưng qua Toà án thẩm định thì đất chị đang sử dụng ngang 3,25m dài khoảng 20m (diện tích 61,9 m^2) nằm trong giấy CNQSD đất của bà D. Năm 1998, chị xây nhà tường ở đến nay, nên đất này của riêng chị, chị không đồng ý nhập vào đất chung mẹ để chia thừa kế.

- Chị Phạm Thanh Th2 trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng. Phần đất chị đang ở là do ông ngoại chị cho vào năm 2000, việc cho đất không giấy tờ, diện tích bao nhiêu không biết, nhưng qua Toà án thẩm định đất chị nằm trong giấy CNQSD đất của bà D diện tích 25,9 m^2, chị đã xây nhà tường ở đến nay. Chị yêu cầu mẹ chia thừa kế, chị hưởng một phần theo qui định pháp luật, nếu phần chị hưởng thừa thì chị trả tiền lại cho mẹ.

Lời trình bày của chị Phạm Kiều N; chị Phạm Thị Lệ Th1, anh Nguyễn Ngọc H: Thống nhất ý kiến bà D và hiện các đương sự không sử dụng phần đất nào của cha mẹ và yêu cầu được chia di sản thừa kế một phần theo pháp luật.

Lời trình bày của anh Nguyễn Thanh T: Anh là chồng của chị Th2, căn nhà trên đất tranh chấp của vợ chồng anh. Anh thống nhất ý kiến chị Th2.

Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngh: Ông Nguyễn Ngọc L1 là con ruột của bà, chồng bà người Pháp, tên gì không biết đã bỏ đi nước ngoài từ trước 1975. Bà không yêu cầu chia di sản của ông L1 giao lại phần hưởng vợ con ông L1 tự chia nhau.

Tại Công văn số 27/UBND ngày 30/01/2019 của Uỷ ban nhân dân huyện Trảng Bàng xác nhận đất tranh chấp tại thửa 32 tờ bản đồ số 10 toạ lạc tại Khu phố L D, thị trấn Trảng Bàng được cấp cho bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Ngọc L1.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 658, 660; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của anh Nguyễn Ngọc Kh đối với bà Phạm Thị D.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật là ½ diện tích đất 144,8m^2 và căn nhà cấp 4b (như thẩm định) tại thửa 32 tờ bản đồ số 10 toạ lạc tại Khu phố L D, thị trấn Trảng Bàng do ông Nguyễn Ngọc L1 và bà Phạm Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm bà D và chị Phạm Thị Bích L; Phạm Kiều N; Phạm Thanh Th2; Phạm Thị Lệ Th1; anh Nguyễn Ngọc Kh; Nguyễn Ngọc H. Ưu tiên cho người có công gìn giữ.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền 209.494.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc Kh đối với bà Phạm Thị D. Buộc bà D và những người được hưởng thừa kế tài sản phải có trách nhiệm trả cho anh Kh số tiền 209.494.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc Kh có đơn khởi kiện bà Phạm thị D yêu cầu chia di sản thừa kế, Toà án thụ lý giải quyết theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự là anh Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Ngọc L1 cùng đứng tên sử dụng đất, qua đo đạc thực tế diện tích 144,8 m^2 tại thửa 32, tờ bản đồ số 10 toạ lạc tại KP L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 01 căn nhà tường cấp 4b xây dựng trên đất. Hiện bà D, chị L, chị Th2 cùng quản lý tài sản này. Ông L1 chết năm 2011 không để lại di chúc. Nay anh Nguyễn Ngọc Kh khởi kiện bà D, chị L, chị Th2 yêu cầu chia di sản của ông L1 và đòi số tiền đã trả nợ thay cha mẹ. Bà D đồng ý chia và yêu cầu các con cùng trả nợ; chị L, chị Th2 cho rằng đất của riêng các chị và không đồng ý chia.

[3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nhận thấy: Phần đất các đương sự tranh chấp diện tích 179,9 m^2, đo đạc thực tế diện tích 144,8 m^2, (giảm 35,1 m^2 so với giấy CNQSD đất do mở rộng đường), tại thửa 32, tờ bản đồ số 10, toạ lạc như trên. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4b bà D, ông L1 xây dựng chiếm diện tích 37,17m^2 và công trình phụ diện tích 19,83 m^2 (mái che, nhà vệ sinh) tổng cộng 57 m^2; Nhà chị L (cấp 4b) ngang 3,25m dài (18,1m + 19,7m) và công trình phụ (mái che, nhà vệ sinh) xây dựng chiếm tổng diện tích đất 61,9 m^2; một phần Nhà chị Th2 (cấp 4b) xây dựng chiếm diện tích đất 25,9 m^2. Trị giá đất, nhà tổng cộng 1.011.527.000 đồng (6.630.000 đồng/m^2 x 144,8 m^2 = 960.024.000 đồng + 01 căn nhà cấp 4b và công trình trị giá 51.503.000 đồng). Ngoài ra các đương sự không tranh chấp di sản gì khác. Chị L, chị Th2 cho rằng, đất các chị đã xây nhà ở là của ông ngoại cho riêng nên các chị không đồng ý nhập chung chia thừa kế. Tuy nhiên, chị L và chị Th2 không đề xuất được chứng cứ việc ông X tặng cho đất. Khi bà D ông L1 kê khai đăng ký đất các đương sự không có ý kiến phản đối. Do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu của chị Th2, chị L. Đất do bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Ngọc L1 cùng đứng tên giấy CNQSD đất. Ông L1 chết năm 2011 nên ½ diện tích đất 144,8 m^2 nêu trên, và ½ căn nhà xây tường (cấp 4b) và công trình phụ tổng diện tích 57 m^2 của bà D, ông L1 trở thành di sản thừa kế kể từ ngày 05/11/2011. Ông L1 chết không để lại di chúc, nên di sản trên được chia theo pháp luật. Bà D, anh Kh, anh H, bà Ngh là những người được hưởng thừa kế hàng thứ nhất; chị Th1, chị N, chị Th2, chị L có quan hệ nuôi dưỡng với ông L1 như cha con nên cũng được hưởng di sản của ông L1 để lại như những người hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại Điều 674, 675, 676, 679 Bộ luật Dân sự năm 2005. Còn ½ số tiền nợ 209.494.000 đồng của ông L1, bà D cũng là nghĩa vụ phải thanh toán của người để lại di sản. Do anh Kh đã trả nợ thay ông L1 và bà D nên những người được hưởng di sản của ông L1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Kh theo quy định tại khoản 8 Điều 683 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Tài sản của bà D ông L1 được tính bằng giá trị tổng cộng thành tiền 1.011.527.000 đồng; nợ phải trả 209.494.000 đồng. Trong đó giá trị ½ tài sản của bà D = 505.763.000 đồng và nghĩa vụ trả nợ = 104.747.000 đồng. Di sản của ông L1 để lại trị giá 505.763.000 đồng và nghĩa vụ trả nợ là 104.747.000 đồng được giải quyết chia 09 kỷ phần bằng nhau, do bà Ngh từ chối nhận di sản và không cho ai phần hưởng nên chỉ chia di sản trên thành 08 kỷ phần; mỗi kỷ phần trị giá thành tiền là 63.220.300 đồng; trong đó: Chị L có công gìn giữ di sản và đóng góp vào hoạt động kinh tế chung gia đình nên được chia 02 kỷ phần tương đương số tiền 126.440.600 đồng, bà D, anh Kh, anh H, chị Th1, chị N, chị Th2 mỗi người hưởng 01 kỷ phần trị giá thành tiền là 63.220.300 đồng. Số tiền nợ của ông L1 104.747.000 đồng cũng được chia đều cho 07 người được hưởng di sản, mỗi người có trách nhiệm trả 01 phần tương đương số tiền

14.963.800 đồng; khấu trừ vào kỷ phần hưởng thì mỗi người còn hưởng 01 phần trị giá thành tiền 48.256.500 đồng.

- Thực trạng di sản bà D đang quản lý 57m^2 đất x 6.630.000 đồng/m^2 = 377.910.000 đồng + 51.503.500 đồng (trị giá 01 căn nhà cấp 4b và công trình phụ) = 429.413.500 đồng. Phần tài sản bà D 505.763.000 đồng + 01 kỷ phần được hưởng là 48.256.500 đồng = 554.019.500 đồng, bà D còn thiếu so với phần hưởng là 124.606.000 đồng.

- Chị L đang quản lý diện tích đất 61,9m^2 tương đương số tiền 410.397.000 đồng; thừa so với phần được hưởng 283.957.000 đồng.

- Vợ chồng chị Th2, anh T đang quản lý diện tích đất 25,9 m^2 tương đương số tiền 171.717.000 đồng; thừa so với phần được hưởng 123.461.000 đồng.

Do đó: Chia bà D được trọn quyền sở hữu 01 căn nhà xây tường (cấp 4b) + công trình phụ tổng diện tích 57 m^2 đất (hiện bà đang quản lý) trong thửa 32, tờ bản đồ số 10 trị giá 429.413.500 đồng;

Chia chị L được trọn quyền sử dụng diện tích đất 61,9 m^2 trong thửa 32, tờ bản đồ số 10 trị giá 410.397.000 đồng (chị đang quản lý); buộc chị L có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho bà D số tiền 124.606.000 đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho anh Kh số tiền 48.256.500 đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho chị Th1 số tiền 21.312.000 đồng và trả 06 phần nợ (thay ông L1) cho anh Kh số tiền 89.782.800 đồng.

Chia chị Th2 được trọn quyền sử dụng diện tích đất 25,9 m^2 trong thửa 32, tờ bản đồ số 10 trị giá 171.717.000 đồng (chị đang quản lý); buộc chị Th2 có nghĩa vụ thanh toán phần hưởng di sản cho chị N số tiền 48.256.500 đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho anh H số tiền 48.256.500 đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho chị Th1 số tiền 26.948.000 đồng.

Bà D có nghĩa vụ trả nợ cho anh Kh số tiền 119.711.200 đồng.

Đối với anh T (chồng chị Th2) không được chia di sản nên không buộc có nghĩa vụ thanh toán.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tại phiên toà; xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội; anh Kh, anh H, chị Th1, chị N, chị Th2, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Anh Kh, anh H, chị Th1, chị N, chị Th2 mỗi người chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.161.000 đồng = (63.220.300 đồng x 5%);

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.322.000 đồng = (126.440.600 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 674, 675, 676, 679, khoản 8 Điều 683, Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12 khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản của anh Nguyễn Ngọc Kh đối với bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị Bích L, chị Phạm Thanh Th2;

1.1- Chia cho bà Phạm Thị D được trọn quyền sở hữu 01 căn nhà xây tường (cấp 4b) diện tích 37,17 m^2 + công trình phụ 19,83 m^2 và diện tích đất 57 m^2 (gắn liền với nhà hiện bà D đang quản lý) trong thửa 32, tờ bản đồ số 10; trị giá 429.413.500 đồng; nhà đất có tứ cận:

Đông nhà (chị Th2) 3,15m; Tây giáp đường nhựa (22/12) 3,15m;

Nam giáp đất (thửa 108) 18,1m; Bắc giáp nhà chị L 18,1m.

1.2 - Chia cho chị Phạm Thị Bích L được trọn quyền sử dụng diện tích đất 61,9 m^2 trong thửa 32, tờ bản đồ số 10 trị giá 410.397.000 đồng (chị đang quản lý). Đất có tứ cận:

Đông giáp nhà (chị Th2) 3,25m; Tây giáp đường nhựa (22/12) 3,25m;

Nam giáp đất nhà bà D 18,1m; Bắc giáp nhà (chị Th1) 19,70m.

1.3- Chia cho chị Phạm Thanh Th2 được trọn quyền sử dụng diện tích đất 25,9m^2 trong thửa 32, tờ bản đồ số 10 trị giá 171.717.000 đồng (chị đang quản lý) Đất có tứ cận:

Đông giáp nhà (chị Th2) 12,23m; Tây giáp nhà bà D 3,15m + nhà chị L 3,25m + giáp (thửa 108) 5,7m;

Nam giáp đất ông Gạo 1,46 m; Bắc giáp đất chị Th2 2,84 m.

Tất cả các phần đất nêu trên đều toạ lạc tại Khu phố L D, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (có sơ đồ kèm theo).

2- Buộc chị Phạm Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị D số tiền 124.606.000 (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm lẽ sáu nghìn) đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho anh Nguyễn Ngọc Kh số tiền 48.256.500 (bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho chị Phạm Thị Lệ Th1 số tiền 21.312.000 (hai mươi mốt triệu ba trăm mười hai nghìn) đồng và trả nợ (thay ông L1) cho anh Nguyễn Ngọc Kh số tiền 89.782.800 (tám mươi chín triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

3- Buộc chị Phạm Thanh Th2 có nghĩa vụ thanh toán phần hưởng di sản cho chị Phạm Kiều N số tiền 48.256.500 (bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 48.256.500 bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; thanh toán phần hưởng di sản cho chị Phạm Thị Lệ Th1 số tiền 26.948.000 (hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

4- Buộc bà Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Ngọc Kh số tiền 119.711.200 (một trăm mười chín triệu bảy trăm mười một nghìn hai trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích như quyết định của bản án này.

6- Chi phí thẩm định, định giá tài sản anh Kh nhận chịu số tiền 1.550.000 đồng (ghi nhận đã thanh toán xong).

7- Về Án phí:

- Bà Phạm Thị D được miễn án phí;

- Anh Nguyễn Ngọc Kh, anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Thị Lệ Th1, chị Phạm Kiều N, chị Phạm Thanh Th2 mỗi người phải chịu số tiền 3.161.000 (ba triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Kh được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.987.000 đồng theo biên lai thu số 0009712 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; hoàn trả anh Kh số tiền 3.826.000 (ba triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng.

- Chị Phạm Thị Bích L phải chịu số tiền 6.322.000 (sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-TA Tây Ninh;
-VKS Trảng Bàng;
-THADS Trảng Bàng;
-Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

-Lưu án văn;
-Các đương sự.

Phạm Văn Tâm